

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - T - Hạnh Phúc

Bản án số: 86/2024/DS-ST

Ngày: 19/6/2024

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thành Thị Thu T.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn C

2. Bà Thiều Thị Phi L

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Văn T1 – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai thụ lý số 1102/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 693/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S;

Địa chỉ: B - B N, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Hải T2 – Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ.

Địa chỉ: B đường C, khu phố C, phường T, TP ., tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T2 (Theo văn bản uỷ quyền ngày

11/4/2024): Ông Nguyễn Trung H – Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro.

- Bị đơn: Ông Phan Khắc N, sinh năm 1980;

Địa chỉ: B, khu phố A, phường H, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H có đơn xin vắng mặt, ông Nguyễn vắng m không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện; bản tự khai và trong quá trình làm việc, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Vũ C1 và ông Nguyễn Trung H trình bày:*

Ngày 13/06/2022 Ông Phan Khắc N có ký với Ngân hàng TMCP S1 - Chi nhánh Đ (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng số 65/TTDT6/2022 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và cam kết trong hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng và ngày chốt thông báo giao dịch vào ngày 05 hàng tháng). Căn cứ thu nhập của Ông Phan Khắc N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng (Loại thẻ Visa Platinum Cashback số 436438 - 9380) hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, phiếu cấp mã QR xem Biểu phí, Điều khoản, Điều kiện phát hành và hướng dẫn sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, từ ngày 05/7/2022 đến 05/01/2023, ông Phan Khắc N đã thực hiện các giao dịch, rút tiền với tổng số tiền là 55.848.700 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 05/9/2022 đến 05/6/2023, ông Phan Khắc N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là: 22.837.565 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, tại trang W). Kể từ ngày 06/6/2023 cho đến nay ông N đã không thanh toán cho Ngân hàng số tiền đã sử dụng. Qua nhiều lần làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhưng ông Nguyễn v không thanh toán nợ. Do ông Nguyễn vị p nghĩa vụ thanh toán (Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và cam kết khi phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Ông N và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Nhóm 3, 104 ngày).

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Khắc N phải trả toàn bộ số tiền tính đến ngày 19/6/2024 là 68.310.080đ (sáu mươi tám triệu ba trăm mười nghìn không trăm tám mươi đồng), trong đó nợ gốc: 46.054.454đ, phí trễ hạn: 880.531đ, lãi: 21.325.095đ, phí vượt hạn mức: 50.000đ và lãi phát sinh từ ngày 20/6/2024 cho đến khi trả hết nợ.

* Bị đơn ông **Phan Khắc N** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông **N**.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện việc nguyên đơn khởi kiện là có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông **Phan Khắc N** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/6/2024 là 68.310.080đ (sáu mươi tám triệu ba trăm mười nghìn không trăm tám mươi đồng) và lãi phát sinh từ ngày 20/6/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Ông **Phan Khắc N** phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông **Phan Khắc N** thanh toán tiền nợ gốc và lãi trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định **Ngân hàng TMCP S** là nguyên đơn, ông **Nguyễn 1** bị đơn. Căn cứ Khoản 14, 16 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông **Phan Khắc N** có địa chỉ tại **B, khu phố A, phường H, Thành phố B, tỉnh Đồng Nai**. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng**

TMCP S thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.3] Về thủ tục ủy quyền: Đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP S có văn bản ủy quyền cho Lê Hải T2, ông T2 ủy quyền lại cho ông Đỗ Vũ C1 tham gia giải quyết vụ án. Sau đó ông T2 có văn bản ủy quyền mới thay thế văn bản cũ, ủy quyền cho ông Nguyễn Trung H tham gia giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Ông Nguyễn Trung H có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phan Khắc N đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H, ông Nguyễn t quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Phan Khắc N phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 19/6/2024 là 68.310.080đ (*sáu mươi tám triệu ba trăm mười nghìn không trăm tám mươi đồng*), trong đó nợ gốc: 46.054.454đ, phí trễ hạn: 880.531đ, lãi: 21.325.095đ, phí vượt hạn mức: 50.000đ và lãi phát sinh từ ngày 20/6/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Tòa án đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông Nguyễn đ Tòa làm việc nhưng ông Nguyễn v vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông N không có thiện chí hòa giải với Ngân hàng và cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Về phía Ngân hàng TMCP S đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ như giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bảng tóm tắt sao kê, căn cước công dân ông N,... để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ.

Xét thấy, các chứng cứ mà Ngân hàng TMCP S cung cấp là hợp lệ và thể hiện ông N đã vi phạm hợp đồng tín dụng nên yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Do đó, buộc ông Phan Khắc N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/6/2024 là 68.310.080đ (*sáu mươi tám triệu ba trăm mười nghìn không trăm tám mươi đồng*), trong đó nợ gốc: 46.054.454đ, phí trễ hạn: 880.531đ, lãi: 21.325.095đ, phí vượt hạn mức: 50.000đ và lãi phát sinh từ ngày 20/6/2024 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí: Ông Phan Khắc N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.415.504 đồng (*Ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn năm trăm lẻ bốn đồng*).

Trả lại cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 1.317.000 đồng (*Một triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001539 ngày 05/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 17, Quyết định 20/VBHN-NHNN ngày 22/5/2014 của **Ngân hàng N1** quyết định về việc ban hành quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông **Phan Khắc N.**

Buộc ông **Phan Khắc N** phải thanh toán cho **Ngân hàng TMCP S** toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/6/2024 là 68.310.080đ (*sáu mươi tám triệu ba trăm mười nghìn không trăm tám mươi đồng*), trong đó nợ gốc: 46.054.454đ, phí trễ hạn: 880.531đ, lãi: 21.325.095đ, phí vượt hạn mức: 50.000đ và lãi phát sinh từ ngày 20/6/2024 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí: Ông **Phan Khắc N** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.415.504 đồng (*Ba triệu bốn trăm mười lăm nghìn năm trăm lẻ bốn đồng*).

Trả lại cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền 1.317.000 đồng (*Một triệu ba trăm mười bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001539 ngày 05/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND TP.
- THA Biên Hòa
- Đương sự
- Lưu

Thành Thị Thu Trang

TÒA CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN